

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2018

V/v: ly hôn giữa bà T
và ông P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lèo

Ông Lê Minh Quan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05-11-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 20-04-2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-09-2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16-10-2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 22/2018/QĐ-TĐNTT ngày 05-11-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T - sn:1987 (có mặt)

Địa chỉ: số 14 ô 3/33, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi P - sn:1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 14 ô 3/33, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-04-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120-2010, quyển số 02-2009 ngày 14-12-2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại Bình Định đến năm 2017 mới về khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BRVT. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P có quen người khác ở bên ngoài nên thường xuyên đánh đập bà T vô cớ, bà T bắt gặp sự việc qua tin nhắn thì ông P xin lỗi và hứa sửa chữa nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 03/2018 ông P không có ở nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn ghé về thăm con. Nay bà T cảm thấy không còn tình cảm với ông P nên bà T đề nghị được ly hôn với ông P.

Về nuôi con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là Bùi Võ Hoàng K- sinh ngày 23-11-2011 và Bùi Võ Hoàng C- sinh ngày 16/01/2017, hiện 02 con đang sống cùng bà T và ông P, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung, bà T làm nghề buôn bán, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000đ nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Bà T không có chứng cứ gì để chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông Bùi P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị

đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do ông P thường xuyên đánh đập bà T, do ông P có người khác, bà T bắt gặp qua tin nhắn, ông P có xin lỗi nhưng không sửa chữa, vợ chồng chung sống một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, tháng 03/2018 ông P bỏ đi không chung sống nhưng thường xuyên về thăm con, ông P không đến tham gia tố tụng, không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau, bỏ mặc mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với ông P của bà T. Bà T và ông P có 02 con chung, hiện đang sống cùng bà T và ông P, bà T có thu nhập do làm nghề buôn bán nên đủ khả năng nuôi con, ông P không có ý kiến nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Ông P có quyền khởi kiện giải quyết về nuôi con và tài sản chung, nợ chung trong vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các phân tích trên xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền:* Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng:* Ông P dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu:*

[3.1]*Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà T và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120-2010, quyền số 02-2009 ngày 14-12-2010 (BL 03, 04) nên là hôn nhân hoàn

toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo bà T thì vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P có quen người khác ở bên ngoài nên thường xuyên đánh đập bà T vô cớ, bà T bất gặp sự việc qua tin nhắn thì ông P xin lỗi và hứa sửa chữa nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 03/2018 ông P không có ở nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn ghé về thăm con. Nay bà T cảm thấy không còn tình cảm với ông P nên bà T đề nghị được ly hôn với ông P. Ông P dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì bà T và ông P đang sinh sống ở địa phương nhưng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông P địa phương không biết (BL 25). Xét thấy ông P dù đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt thể hiện không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông P và bà T nên nhận thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, đánh đập nhau, mặc ai nấy sống nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà T là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà T là được ly hôn với ông P.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà T và ông P có 02 con chung là Bùi Võ Hoàng K sinh ngày 23-11-2011 và Bùi Võ Hoàng C sinh ngày 16/01/2017 (BL 09, 10), hiện 02 con đang sống cùng bà T và ông P, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P P cấp dưỡng nuôi con chung. Do ông P không đến phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này và con chung còn nhỏ, bà T có thu nhập đủ nuôi con chung nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà T, nếu sau này ông P có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà T P chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo:* Bà T và ông P được quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T đối với ông Bùi P.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Bùi P.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là Bùi Võ Hoàng K sinh ngày 23-11-2011 và Bùi Võ Hoàng C sinh ngày 16/01/2017, hiện 02 con đang sống cùng bà T và ông P, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P có trách nhiệm giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng,

Sau khi ly hôn bà T, ông P đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà T P chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009665 ngày 12-04-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người P thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND nơi ĐKKH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ngô Diệp Lai

